



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03686

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                   |
|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : Thức ăn hỗn hợp cho cá hồi, cá tầm dạng viên Supreme-21 (3.0 mm)                                |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 240 bao/6.000 kg                                                                                |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Alltech Coppens GmbH, Germany                                                                   |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                   |
| Hợp đồng số                       | : SO230625 ngày 23/6/2025                                                                         |
| Hóa đơn số                        | : VFA1844870 ngày 04/7/2025                                                                       |
| Vận đơn số                        | : YMJAN755281838                                                                                  |
| Ngày sản xuất                     | : 6/2025                                                                                          |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : 5858/HQ-GDK-TTKN ngày 31/07/2025<br>(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038191)                              |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH CÁ TẦM VIỆT ĐỨC</b><br>Địa chỉ: Thôn 2, xã Đạm Rông 2, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam  |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT                                                                       |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                        |

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2539/QĐ-TTKN

Ngày 15 tháng 9 năm 2025



**Phạm Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03687**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                          |
|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | <b>: Thức ăn hỗn hợp cho cá hồi, cá tầm dạng viên Supreme-21 (6.0 mm)</b>                                |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | <b>: 180 bao/4.500 kg</b>                                                                                |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | <b>: Alltech Coppens GmbH, Germany</b>                                                                   |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                          |
| Hợp đồng số                       | : SO230625 ngày 23/6/2025                                                                                |
| Hóa đơn số                        | : VFA1844870 ngày 04/7/2025                                                                              |
| Vận đơn số                        | : YMJAN755281838                                                                                         |
| Ngày sản xuất                     | : 4/2025                                                                                                 |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : 5858/HQ-GDK-TTKN ngày 31/07/2025<br>(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038191)                                     |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | <b>: CÔNG TY TNHH CÁ TẦM VIỆT ĐỨC</b><br>Địa chỉ: Thôn 2, xã Đạm Rông 2, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam         |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | <b>: Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)</b> |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | <b>: QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT</b>                                                                       |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | <b>: Hết hạn sử dụng sản phẩm</b>                                                                        |

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2539/QĐ-TTKN

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ha Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.03688

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

|                                  |                                                                                                   |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên sản phẩm                     | : Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng chăn nuôi cá hồi, cá tầm Supreme Astax (4.5 mm)                 |
| Số lượng/ khối lượng             | : 320 bao/8.000 kg                                                                                |
| Hãng, nước sản xuất              | : Alltech Coppens GmbH, Germany                                                                   |
| Thuộc lô hàng nhập khẩu          |                                                                                                   |
| Hợp đồng số                      | : SO230625 ngày 23/6/2025                                                                         |
| Hóa đơn số                       | : VFA1844870 ngày 04/7/2025                                                                       |
| Vận đơn số                       | : YMJAN755281838                                                                                  |
| Ngày sản xuất                    | : 6/2025                                                                                          |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng | : 5858/HQ-GDK-TTKN ngày 31/07/2025<br>(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038191)                              |
| Đơn vị được cấp                  | : CÔNG TY TNHH CÁ TẦM VIỆT ĐỨC<br>Địa chỉ: Thôn 2, xã Đạm Rông 2, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam         |
| Phương thức đánh giá             | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) |
| Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật       | : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT                                                                       |
| Có giá trị đến ngày              | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                        |

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Quyết định chứng nhận

Số: 2539/QĐ-TTKN

Ngày 15 tháng 9 năm 2025



Đã Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03689

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

|                                  |                                                                                                   |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên sản phẩm                     | : Thức ăn hỗn hợp cho cá hồi, cá tầm dạng viên Supreme-22 (3.0mm)                                 |
| Số lượng/ khối lượng             | : 240 bao/6.000 kg                                                                                |
| Hãng, nước sản xuất              | : Alltech Coppens GmbH, Germany                                                                   |
| Thuộc lô hàng nhập khẩu          |                                                                                                   |
| Hợp đồng số                      | : SO230625 ngày 23/6/2025                                                                         |
| Hóa đơn số                       | : VFA1844870 ngày 04/7/2025                                                                       |
| Vận đơn số                       | : YMJAN755281838                                                                                  |
| Ngày sản xuất                    | : 6/2025                                                                                          |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng | : 5858/HQ-GDK-TTKN ngày 31/07/2025<br>(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038191)                              |
| Đơn vị được cấp                  | : CÔNG TY TNHH CÁ TẦM VIỆT ĐỨC<br>Địa chỉ: Thôn 2, xã Đạm Rông 2, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam         |
| Phương thức đánh giá             | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) |
| Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật       | : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT                                                                       |
| Có giá trị đến ngày              | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                        |

Quyết định chứng nhận

Số: 2539/QĐ-TTKN

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12861/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 10 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37442509367  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                                          | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Thức ăn chăn nuôi cá<br>tầm, cá hồi dạng viên:<br>Supreme-22 (3.0mm),<br>BNNPTNT292500381<br>91 | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                                                                 | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                                                 | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                                                 | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                                                                 | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                                                                                 | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | <0,1               | AOAC 996.13                     |
|                                                                                                 | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/09/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

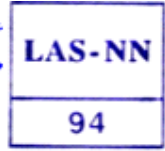
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12862/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 10 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37442509368  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                                          | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Thức ăn chăn nuôi cá<br>tầm, cá hồi dạng viên:<br>Supreme-21 (3.0mm),<br>BNNPTNT292500381<br>91 | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                                                                 | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                                                 | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                                                 | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                                                                 | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                                                                                 | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                                                                 | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/09/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12864/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 10 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37442509370  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                                                                  | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh dùng chăn nuôi cá tầm, cá hồi mã HS: 2309.90.19: Supreme Astax (4.5 mm), BNNPTNT292500381 91 | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                                                                                         | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                                                                         | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                                                                         | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                                                                                         | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                                                                                                         | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                                                                                         | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/09/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12863/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 10 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Trương Tiến Công  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37442509369  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                                          | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Thức ăn chăn nuôi cá<br>tầm, cá hồi dạng viên:<br>Supreme-21 (6.0mm),<br>BNNPTNT292500381<br>91 | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                                                                 | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                                                 | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                                                                 | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                                                                 | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                                                                                 | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                                                                                 | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/09/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.